TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/DS-PT
Ngày 21/9/2023
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Đức Thanh**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hồng Ánh** và bà **Nguyễn Thúy Hằng**
Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thảo** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLPT-DS ngày 24/8/2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2023/QĐ-PT ngày 24/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 113/2023/QĐ-PT ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Đ; địa chỉ: Số 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: bà Lã Thị H - chức vụ: Phó giám đốc khối xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 604/2021/UQ - S ngày 27/5/2021); người đại diện được ủy quyền lại: ông Đặng Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 2, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh - Chức vụ: chuyên viên cao cấp xử lý nợ (theo giấy ủy quyền số: 14234/2021/UQ - S ngày 13/9/2021). Có mặt.

2. Bị đơn: chị Trần Thị H1, sinh năm 1988 và anh Đoàn Văn S, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: tổ 59, khu 4B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 07/7/2015, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Quảng Ninh đã ký hợp đồng tín dụng cá nhân số 121/2015/HĐTD/QN với chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S . Theo đó Ngân hàng đã cho chị H1 và anh S vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay để bù đắp mua Bất động sản (BĐS), thời hạn vay 240 tháng kể từ ngày 07/7/2015

đến 07/7/2035, lãi suất: 8,9%/năm cho 12 tháng đầu. Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân (VNĐ) cao nhất áp dụng + Biên độ 4,4%/ năm. Bên vay phải trả gốc, lãi vào ngày 25 hàng tháng. Trong 12 tháng đầu mỗi tháng bên vay phải trả 4.379.962 đồng, kể từ tháng 13 trở đi mỗi tháng trả 4.379.962 đồng. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn với số tiền gốc.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng 64,9 m^2 quyền sử dụng đất tại địa chỉ tổ 24, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 692808, số vào sổ cấp GCN: CH 03375, ngày 06/7/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho Đoàn Văn S và Trần Thị H1. Giá trị tài sản tại thời điểm thế chấp là 720.000.000 đồng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 121/2015/HĐTC/QN giữa Ngân hàng với bên vay là chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S, ngày 07/7/2015, được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Ninh và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Ngân hàng đã giải ngân, bên vay đã nhận đủ số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H1 và anh S đã thanh toán trả cho Ngân hàng được 76.377.792 đồng, trong đó nợ gốc là: 12.955.168 đồng, nợ lãi: 63.422.624 đồng. Tuy nhiên, kể từ kỳ hạn trả nợ ngày 25/11/2016 cho đến nay, chị H1, anh S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo định kỳ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng chị H1, anh S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị chị H1, anh S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 03/7/2023, tổng số tiền: 1.161.606.447 đồng, trong đó nợ gốc là: 487.044.832 đồng, nợ lãi 674.561.615 đồng, trong đó lãi trong hạn 391.718.432 đồng, lãi quá hạn 282.843.183 đồng (bao gồm: lãi phát sinh trong thời gian quá hạn 188.561.674 đồng, lãi phạt trong thời gian quá hạn 94.281.509 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, chị H1 và anh S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là diện tích đất bằng 64,9 m^2, tại địa chỉ tổ 24, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 692808, số vào sổ cấp GCN: CH 03375, ngày 06/7/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho Đoàn Văn S và Trần Thị H1, để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 121/2015/HĐTC/QN ngày 07/7/2015 được ký kết giữa Ngân hàng Đ - chi nhánh Quảng Ninh với anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị H1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh S, chị H1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S nhiều lần nhưng chị H1, anh S cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của chị H1, anh S và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, không đưa các chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do đó chị H1 và anh S phải tự chịu hậu quả pháp lý cho việc không đưa ra chứng cứ chứng minh và vắng mặt tại phiên tòa.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ: Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 292, Điều 317, khoản 7 Điều 323, Điều 299 và khoản 4 Điều 422 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 12; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ (AS) đối với chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S.

2. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số 121/2015/HĐTD/QN, ký kết ngày 07/7/2015 giữa Ngân hàng Đ với chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S.

3. Về nghĩa vụ trả nợ: chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ một lần toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 121/2015/HĐTD/QN, Ngân hàng đã ký với chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S, ngày 07/7/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (04/7/2023), tổng số tiền là: 1.067.324.938 đồng, trong đó nợ gốc 487.044.832 đồng, nợ lãi trong hạn 391.718.432 đồng, nợ lãi quá hạn 188.561.674 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu trả khoản tiền lãi phạt trong thời gian quá hạn là 94.281.509 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2023), chị Hòa, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, theo Hợp đồng tín dụng số: 121/2015/HĐTD/QN, ngày 07/7/2015.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Đ cho vay thì lãi suất mà chị H1, anh S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Đ cho vay.

4. Kể từ ngày Ngân hàng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H1, anh S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 121/2015/HĐTD/QN, ngày 07/7/2015, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 121/2015/HĐTC/QN, ngày 07/7/2015, để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất 64,9 m^2, trong đó 40 m^2 đất ở, 24,9 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 150, tờ bản đồ số 49, tại địa chỉ tổ 24, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 692808, số vào sổ cấp GCN: CH03375, ngày 06/7/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố H mang tên anh Đoàn Văn S, chị Trần Thị H1. Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam thì chị H1 và anh S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, về chi phí tố tụng, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 18/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H kháng nghị tại Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS về nội dung tuyên án và áp dụng điều luật. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Căn cứ căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: sửa bản án sơ thẩm về nội dung tuyên án và áp dụng pháp luật (áp dụng thêm khoản 3 Điều 26 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự) như kháng nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về nội dung tuyên án:

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi phạt trong thời gian quá hạn với số tiền 94.281.509đ là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên *"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2023), chị H1, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, theo Hợp đồng tín dụng số: 121/2015/HĐTD/QN, ngày 07/7/2015"* là mâu thuẫn giữa phần nhận định và phần quyết định của bản án, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị đơn.

Xét thấy: căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án"*. Do đó, đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định *"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, chị H1, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số:*

121/2015/HĐTD/QN, ngày 07/7/2015 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật". Nội dung kháng nghị này là có căn cứ nên chấp nhận.

Kháng nghị cho rằng, bản án còn tuyên về nghĩa vụ trả nợ, buộc chị H1 và anh S trả cho S số tiền 1.067.324.938 đồng, nhưng không tuyên chị H1 và anh S có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền này là chưa rõ ràng, vi phạm Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, Tòa án sơ thẩm đã tuyên chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ số tiền 1.067.324.938 đồng là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về áp dụng điều luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và tại phiên tòa người đại diện của S thay đổi quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng bản án lại không viện dẫn, áp dụng khoản 3 Điều 26 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đầy đủ, vi phạm Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: về quan hệ pháp luật xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Tòa án sơ thẩm không viện dẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 là thiếu sót. Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng bản án lại không viện dẫn, áp dụng khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đầy đủ.

Đối với nội dung kháng nghị về áp dụng điều luật: Bản án phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005, nhưng lại áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 là không phù hợp với quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với Hợp đồng tín dụng đang tranh chấp được ký kết tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực; trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Hợp đồng tín dụng này được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về Hợp đồng dân sự để giải quyết tranh chấp là có căn cứ. Tuy nhiên không căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là thiếu sót.

[3] Ngoài ra, xem xét bản án sơ thẩm thấy: bản án sơ thẩm nhận định *"tài sản thế chấp của chị H1, anh S là bất động sản tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, H, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự"* là sai sót, nhầm lẫn vì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thành phố H đúng như Tòa án H đã thụ lý và giải quyết nhưng bản án lại nhận định "*thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, H, tỉnh Quảng Ninh*", Tòa án sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, sửa bản án sơ thẩm về những nội dung vi phạm nêu trên.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần nội dung kháng nghị theo quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, khoản 1 Điều 244, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 292, Điều 317, khoản 7 Điều 323, Điều 299, khoản 4 Điều 422 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 12; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ (AS) đối với chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S.

2. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số 121/2015/HĐTD/QN, ký kết ngày 07/7/2015 giữa Ngân hàng Đ với chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S.

3. Về nghĩa vụ trả nợ: chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ một lần toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 121/2015/HĐTD/QN, Ngân hàng đã ký với chị Trần Thị H1 và anh Đoàn Văn S, ngày 07/7/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (04/7/2023), tổng số tiền là: 1.067.324.938đ (Một tỷ, không trăm sáu mươi bẩy triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 487.044.832 đồng, nợ lãi trong hạn 391.718.432 đồng, nợ lãi quá hạn 188.561.674 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu trả khoản tiền lãi phạt trong thời gian quá hạn là 94.281.509đ (Chín mươi tư triệu, hai trăm tám mươi mốt nghìn, năm trăm linh chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, chị H1, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 121/2015/HĐTD/QN, ngày 07/7/2015 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Đ cho vay thì lãi suất mà chị H1, anh S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Đ cho vay.

4. Kể từ ngày Ngân hàng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H1, anh S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 121/2015/HĐTD/QN, ngày 07/7/2015, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 121/2015/HĐTC/QN, ngày 07/7/2015, để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất 64,9 m^2, trong đó 40 m^2 đất ở, 24,9 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 150, tờ bản đồ số 49, tại địa chỉ tổ 24, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 692808, số vào sổ cấp GCN: CH03375, ngày 06/7/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố H mang tên anh Đoàn Văn S, chị Trần Thị H1. Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam thì chị H1 và anh S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H1 và anh S phải liên đới chịu 44.019.748đ (bốn mươi bốn triệu, không trăm mười chín nghìn, bẩy trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Đ phải chịu 4.714.075đ (Bốn triệu, bẩy trăm mười bốn nghìn, không trăm bẩy lăm đồng), số tiền được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, trả lại Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn lại 15.059.691đ (Mười lăm triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi mốt đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000650 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

6. Về chi phí tố tụng khác: buộc chị H1, anh S liên đới có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chị H1, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng Nguyễn Hồng Ánh **Bùi Đức Thanh**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- Lưu VP; HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thanh